TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/DS-ST
Ngày: 25/6/2020
"V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Mộng Trinh;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Tôn Nữ Quỳnh Tương

2. Bà Trần Thị Thanh Xuân

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trương Bảo Long, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Thi, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 09/2020/TLST-DS ngày 14 tháng 01 năm 2020 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2020/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 105/2020/QĐST-DS ngày 12/6/2020, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP S (S); địa chỉ trụ sở: Số 266-268 đường Nam Kỳ K, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên lạc: Số 126 đường Nguyễn Huệ, phường Phú Nhuận, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D- Tổng giám đốc; người đại đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T- Giám đốc S Chi nhánh Huế (Giấy ủy quyền số 3962/2018/GUQ-PL ngày 10/12/2018 và số 3901/2019/GUQ-PL ngày 16/12/2019); người được ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Võ Phước Đại D- Chuyên viên quản lý nợ S (Giấy ủy quyền số 821/2019/GUQ-CNTTH ngày 31/12/2019); ông D có mặt;

* *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Huyền T, sinh năm 1984; địa chỉ thường trú: Số 4/4 đường T, phường An Cựu, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt lần thứ 02.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, phía **nguyên đơn** Ngân hàng thương mại cổ phần S (sau đây gọi tắt là S) trình bày:

Ngày 27/10/2017, bà Nguyễn Thị Huyền T đã ký với S hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (Bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng; bảng điều khoản và điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng của S). Căn cứ thu nhập của bà Trang, Sacombank đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 14.522.795 đồng. Quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà T đã thanh toán cho S số tiền là 685.434 đồng, sau đó không tiếp tục thanh toán số tiền còn nợ. S nhiều lần làm việc trực tiếp với bà T để đôn đốc trả nợ nhưng bà T vẫn không thanh toán. Do bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 01/5/2018 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn. Ngày 25 tháng 12 năm 2019, nguyên đơn khởi kiện buộc bà Trang thanh toán số nợ còn lại.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Huyền T có nghĩa vụ trả ngay cho S số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm 25/6/2020 là 34.295.357 đồng, trong đó gồm 17.288.289 đồng nợ gốc, 17.007.070 đồng nợ lãi quá hạn; và buộc bà T phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh do nợ quá hạn từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết nợ cho Sa.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị Huyền T, trong suốt quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa để giải quyết vụ việc nhưng bà T không đến. Do đó, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai, lập biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo thủ tục tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế phát biểu: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự; về tố tụng: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 để tiến hành phiên tòa vắng mặt bị đơn; về nội dung: Đề nghị căn cứ Điều 26, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 280, 282, 357, 463, 465, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị Huyền T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ 34.295.357 đồng, trong đó gồm 17.288.289 đồng nợ gốc, 17.007.070 đồng nợ lãi quá hạn; và buộc bà T phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh do nợ quá hạn từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết nợ cho Sacombank; về án phí: Bà T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, Hội đồng xét xử nhận định :

[1] Về tố tụng: Tòa án triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn là bà Nguyễn Thị Huyền T vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ngày 27/10/2017, giữa S và bà Nguyễn Thị Huyền T đã ký kết hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Theo đó, S đã cấp thẻ tín dụng cho bà T với hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất được các bên thỏa thuận tại bảng điều khoản và điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng của Sacombank. Xét hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng hai bên đã ký kết là hoàn toàn tự nguyện, tuân thủ đúng quy định của pháp luật về nội dung lẫn hình thức, nên có hiệu lực pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bị đơn để trình bày ý kiến về các khoản vay, nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt, xem như đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của chính mình trước Tòa.

Xét quá trình thực hiện hợp đồng, bà T đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 14.522.795 đồng nhưng chỉ trả cho nguyên đơn 685.434 đồng, sau đó không trả, vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo cam kết, nên ngày 01/5/2018 S đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn và chấm dứt quyền sử dụng thẻ đối với bà Trang là có căn cứ. Theo thỏa thuận giữa các bên thì số dư nợ cuối kỳ sẽ là tổng số tiền mà người sử dụng thẻ đã sử dụng cộng với các khoản phí, lệ phí, lãi sau khi đã trừ số tiền người sử dụng thẻ thanh toán cho ngân hàng; kể từ khi ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ thì số dư nợ của kỳ cuối cùng chính là dư nợ gốc mà người sử dụng thẻ phải thanh toán. Như vậy, tính đến ngày 25/6/2020, số tiền bà T còn nợ chưa thanh toán là 34.295.357 đồng, trong đó gồm 17.288.289 đồng nợ gốc và 17.007.070 đồng nợ lãi quá hạn.

Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Huyền T có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ tính đến ngày 25/6/2020 là 34.295.357 đồng, trong đó gồm 17.288.289 đồng nợ gốc, 17.007.070 đồng nợ lãi quá hạn; và buộc bà Trang phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh do nợ quá hạn từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết nợ cho S là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Huyền T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, cụ thể: 34.295.357 đồng x 5% = 1.714.767 đồng (Làm tròn số là 1.715.000 đồng).

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên nguyên đơn không phải chịu án phí, được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp;

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 280, 282, 357, 463, 465, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1.Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S

Buộc bà Nguyễn Thị Huyền T phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền còn nợ là 34.295.357 đồng (Trong đó gồm 17.288.289 đồng nợ gốc và 17.007.070 đồng nợ lãi quá hạn);

Buộc bà Nguyễn Thị Huyền T phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền lãi quá hạn phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày 26/6/2020 đến khi thanh toán hết khoản nợ gốc này.

2.Về án phí:

- Buộc bà Nguyễn Thị Huyền T phải chịu 1.715.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm;

Ngân hàng thương mại cổ phần S được hoàn trả 746.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/009091 ngày 14 tháng 01 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Huế.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy đinh tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự; được bổ sung theo Luật sửa đổi bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì ngươi được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mai Thị Mộng Trinh

Nơi nhận:
-TAND TT. Huế;
-VKSND TP. Huế;
- THADS TP. Huế;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Lưu dán;
- Lưu hồ sơ